

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI TRONG BỐI CẢNH MỚI

## Improving the quality of law training to meet social needs in the new context

Nguyễn Lê Quỳnh Như<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Tây Ninh, Việt Nam  
nguyen.lequynhnhu@daihoclongan.edu.vn

**Tóm tắt** — Trong bối cảnh cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng cùng với sự bùng nổ mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo, nhu cầu về nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao đang trở thành nhu cầu cấp thiết đối với sự phát triển bền vững của quốc gia. Tuy nhiên, thực tế đào tạo luật trình độ đại học tại Việt Nam hiện nay vẫn bộc lộ nhiều hạn chế, đặc biệt là việc thiếu kết nối giữa nội dung lý thuyết và kỹ năng hành nghề. Chương trình đào tạo vẫn còn nặng về truyền thụ kiến thức hàn lâm trong khi các kỹ năng thiết yếu như tư duy pháp lý, kỹ năng giải quyết vấn đề lại chưa được chú trọng đúng mức. Điều này dẫn đến tình trạng sinh viên sau khi tốt nghiệp gặp khó khăn trong việc thích ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp. Trên cơ sở phân tích, tổng hợp và so sánh, bài viết đánh giá thực trạng, nhận diện các thách thức cốt lõi và đề xuất các giải pháp nhằm đổi mới mô hình đào tạo luật theo hướng hiện đại, tăng cường tính thực hành, gắn kết chặt chẽ với thực tiễn nghề nghiệp, qua đó đáp ứng hiệu quả nhu cầu xã hội trong bối cảnh mới.

**Từ khóa** — Đào tạo luật, AI, kỹ năng pháp lý, giáo dục pháp luật thực hành.

**Abstract** — In the context of increasingly deep judicial reform and international integration, coupled with the rapid development of artificial intelligence, the need for high-quality legal human resources is becoming an urgent necessity for the sustainable development of the nation. However, the reality of university-level legal education in Vietnam still reveals many limitations, especially the lack of connection between theoretical content and practical skills. Training programs still heavily emphasize the transmission of academic knowledge, while essential skills such as legal reasoning and problem-solving skills are not given sufficient attention. This leads to a situation where graduates struggle to adapt to the professional work environment. Based on analysis, synthesis, and comparison, this article assesses the current situation, identifies core challenges, and proposes solutions to modernize the legal education model, enhance practical application, and closely link it with professional practice, thereby effectively meeting societal needs in the new context.

**Keywords** — Legal education, AI, legal skills, practical legal education.

### 1. Đặt vấn đề

Sự phát triển của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cùng với quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, đòi hỏi một hệ thống pháp luật không chỉ hoàn thiện về văn bản mà còn phải hiệu quả trong thực thi. Nhân tố quyết định hiệu quả đó chính là đội ngũ nhân lực pháp lý. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, chất lượng quản trị quốc gia và môi trường đầu tư phụ thuộc lớn vào năng lực của đội ngũ luật gia [1].

Cùng với sự bùng nổ mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo đang tạo ra sự thay đổi sâu rộng trong mọi lĩnh vực, trong đó có pháp luật. Trí tuệ nhân tạo không chỉ là một công cụ hỗ trợ học tập mà còn trở thành yếu tố cho sự thay đổi phương pháp giảng dạy cũng như kỹ năng tư duy pháp lý của giảng viên và người học.

Tại Việt Nam, tiến trình cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới của Ban Chấp hành trung ương đã đặt ra những yêu cầu mới, khắt khe hơn đối với những người làm công tác pháp luật. Hiện nay, công tác đào tạo ngành Luật tại Việt Nam đã có những bước phát triển với sự tham gia của nhiều cơ sở đào tạo đa dạng từ công lập đến tư thục, song khoảng cách giữa sản phẩm đào tạo và nhu cầu thị trường vẫn còn khá xa. Khoảng cách giữa kiến thức học thuật và kỹ năng nghề tiếp tục là một trong những thách thức lớn đối với giáo dục pháp luật. Nếu không có những cải cách mang tính đột phá về mô hình và phương pháp, chúng ta sẽ đối mặt với tình trạng dư thừa về số lượng nhưng lại thiếu hụt về chất lượng nhân lực cao cấp. Việc thay

<https://doi.org/10.63783/dla.2026.029>

Ngày nộp bài: 16/4/2026; Ngày nhận bản chỉnh sửa: 01/6/2026; Ngày duyệt đăng: 25/6/2026

đổi định hướng cấu trúc chương trình đào tạo theo hướng thực hành và hội nhập là yêu cầu tất yếu để thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược quốc gia. Bài viết tập trung phân tích những điểm còn hạn chế trong đào tạo cử nhân luật hiện nay, tham khảo mô hình và cách thức đào tạo tại Luật tại quốc gia Singapore và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng hiện đại, thu hẹp khoảng cách giữa giảng đường và thực tiễn thực hành pháp luật.

## 2. Thực trạng đào tạo ngành Luật tại Việt Nam

### 2.1. Sự mất cân đối giữa khối lượng kiến thức và kỹ năng

Phần lớn chương trình đào tạo hiện nay tại đa số các cơ sở vẫn nặng về tính diễn giải quy phạm (lex lata) mà thiếu vắng các học phần về kỹ năng vận dụng pháp luật (lawyering skills). Sinh viên luật tốt nghiệp thường nắm vững lý thuyết hệ thống nhưng lại rất lúng túng và thiếu kỹ năng xử lý tình huống khi đối diện với các hồ sơ vụ việc thực tế [2].

Sự mất cân đối này thể hiện ở việc quá chú trọng vào việc giảng giải và phân tích ý nghĩa của các điều luật trong khi các kỹ năng then chốt như: tư duy phân biện pháp lý, kỹ năng soạn thảo hợp đồng thương mại, kỹ năng tranh tụng, phân tích tình huống, giải quyết tranh chấp ngoài tòa án vẫn chưa chiếm tỷ trọng xứng đáng trong khung chương trình. Sinh viên thường được học luật là gì nhưng lại không được hướng dẫn, đào tạo kỹ lưỡng, chuyên sâu về việc sử dụng, áp dụng luật như thế nào để bảo vệ quyền lợi của khách hàng một cách tối ưu. Điều này dẫn đến tình trạng người học thiếu sự chuẩn bị cần thiết khi bước vào môi trường làm việc thực tế.

Thêm vào đó, việc tiếp cận với án lệ - một nguồn luật quan trọng trong bối cảnh hiện nay vẫn chưa được chú trọng và quan tâm đúng mức. Trong khi các nước có nền tư pháp phát triển họ ưu tiên phân tích các bản án để rút ra những nguyên tắc, quy định pháp lý thì tại Việt Nam án lệ thường chỉ được giới thiệu và hướng dẫn cho sinh viên như một nội dung bổ trợ hoặc được giảng dạy lồng ghép vào trong môn học. Sự thiếu hụt này làm hạn chế khả năng tư duy phân biện và kỹ năng lập luận của sinh viên làm cho họ khó và chưa linh hoạt trong việc dự đoán và xử lý các tranh chấp pháp lý có tính chất phức tạp.

### 2.2. Đội ngũ giảng viên và phương pháp giảng dạy

Mặc dù các cơ sở đào tạo thực hiện việc tuyển dụng giảng viên giảng dạy đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giảng

viên phải có học vị Thạc sĩ, Tiến sĩ. Tuy nhiên một trong những điểm hạn chế đang tồn tại là đội ngũ giảng viên có học vị cao thường thiếu kinh nghiệm thực tế tại tòa án hoặc các văn phòng luật sư, trong khi những chuyên gia giàu kinh nghiệm thực tiễn lại khó tham gia giảng dạy do vướng mắc về tiêu chuẩn sư phạm hoặc cơ chế phối hợp [3]. Điều này tạo ra sự xa rời giữa các bài giảng lý luận và diễn biến sống động của thực tiễn xét xử, tư vấn. Bên cạnh đó, mặc dù việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên đã có thêm nhiều hình thức đánh giá mới nhưng phần lớn vẫn là hình thức ghi nhớ kiến thức (trắc nghiệm, tự luận) thay vì thực hiện đánh giá qua các dự án nghiên cứu, phân tích tình huống hoặc bài luận phân biện [4].

Phương pháp giảng dạy thuyết giảng (ex-cathedra) vẫn chiếm ưu thế tuyệt đối tại nhiều giảng đường, trong khi các phương pháp đào tạo hiện đại chú trọng vào trải nghiệm thực tiễn và tương tác nghề nghiệp vẫn chưa được triển khai đồng bộ. Điều này làm hạn chế tính chủ động và khả năng tranh biện của người học. Các mô hình tiên tiến vốn là tiêu chuẩn của giáo dục pháp luật hiện đại như Phiên tòa giả định (Moot Court) hay Giáo dục pháp luật lâm sàng (Clinical Legal Education - CLE) dù đã có xuất hiện trong chương trình đào tạo nhưng mức độ phổ biến còn thấp, tính chuyên sâu còn hạn chế và thường chỉ dừng lại ở các hoạt động ngoại khóa mang tính phong trào, chưa được chuẩn hoá thành một học phần bắt buộc. Điều này dẫn đến tình trạng sinh viên học luật nhưng lại sợ nói trước đám đông và thiếu bản lĩnh khi đối diện với Hội đồng xét xử hoặc đối tác đàm phán trên thực tế.

### 2.3. Thách thức từ thực tiễn sử dụng lao động và bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập

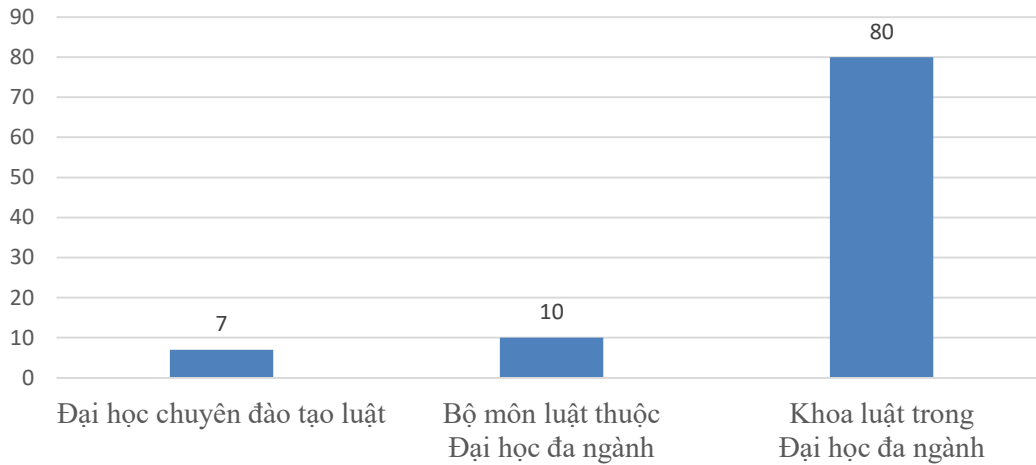
Đào tạo cử nhân Luật là xu thế tất yếu của xã hội, ở Việt Nam hiện nay đã tăng cả về số lượng và quy mô sinh viên, thống kê cho thấy tính đến năm 2025, có hơn 90 cơ sở đào tạo ngành Luật, bao gồm cả trường đại học công lập và ngoài công lập [5].

Mặc dù số lượng cử nhân tốt nghiệp hàng năm rất lớn, nhưng nhiều sinh viên mới ra trường vẫn rơi vào tình trạng lúng túng khi được yêu cầu soạn thảo một hợp đồng dân sự đơn giản hoặc thực hiện các thao tác tư vấn cơ bản cho khách hàng do còn thiếu hụt các kỹ năng mềm cần thiết: kỹ năng đàm phán, kỹ năng chịu áp lực cao trong công việc. Thực tế cho thấy, nhiều sinh viên ra trường không soạn thảo được hợp đồng [6] và chỉ khoảng 1/3 sinh viên Luật làm đúng ngành sau khi tốt nghiệp, phản ánh sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường lao động và nếu như không có sự thay đổi căn bản thì

khoảng cách giữa bằng cấp và năng lực thực thi sẽ ngày càng bị nới rộng.

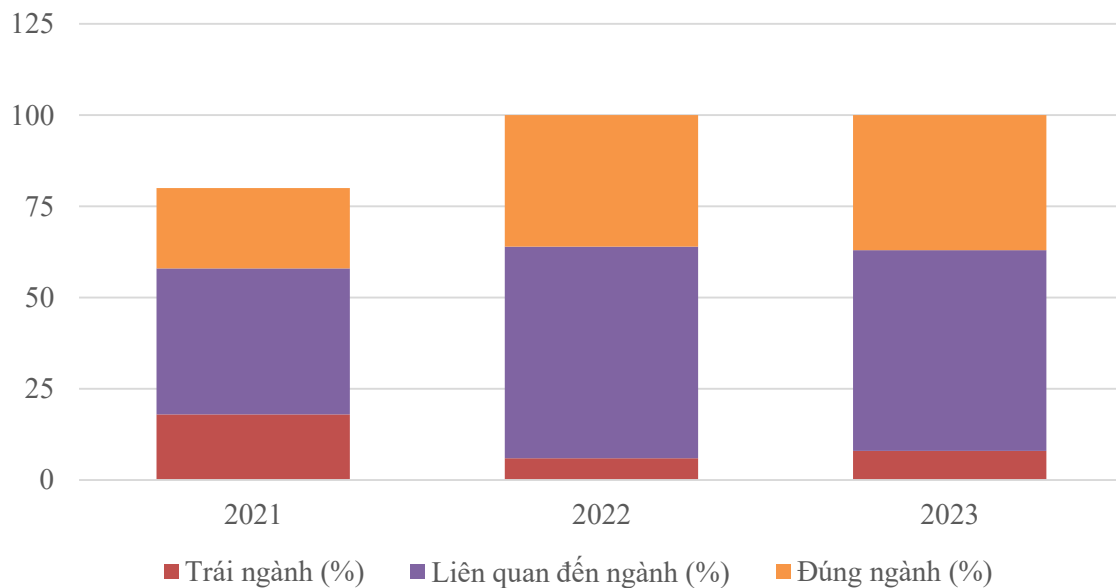
Xu hướng nghề luật cũng đang có sự thay đổi đáng kể trong bối cảnh kinh tế số. Nếu trước đây sinh viên luật chủ yếu hướng tới các nghề truyền thống như thẩm phán, kiểm sát viên hoặc luật sư

thì hiện nay thị trường lao động mở rộng sang các lĩnh vực mới như pháp chế doanh nghiệp, tư vấn tuân thủ, bảo vệ dữ liệu cá nhân, pháp luật thương mại điện tử và công nghệ pháp lý. Sự dịch chuyển này đòi hỏi chương trình đào tạo phải thường xuyên cập nhật để phù hợp với yêu cầu mới của thị trường lao động.



(Nguồn: Báo Tuổi trẻ)

**Hình 1: Số lượng cơ sở đào tạo luật trên cả nước tính đến năm 2025**



(Nguồn: Khảo sát của Báo VnExpress)

**Hình 2: Tỷ lệ sinh viên có việc làm của Trường Đại học Luật Hà Nội**

Đặc biệt, sự phát triển mạnh mẽ của chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi sâu sắc hoạt động nghề luật và đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc đổi mới chương trình đào tạo ngành Luật. Nếu trước đây hoạt động pháp lý chủ yếu được thực hiện thủ công thông qua nghiên cứu hồ sơ giấy, tra cứu văn bản pháp luật truyền thống và xử lý dữ liệu trực tiếp thì hiện nay nhiều công đoạn pháp lý đã được số hóa và hỗ trợ bởi công nghệ AI.

Trong thực tiễn, nhiều doanh nghiệp và hãng luật quốc tế đã ứng dụng AI vào hoạt động rà soát

hợp đồng, nghiên cứu án lệ, quản trị dữ liệu khách hàng, đánh giá rủi ro pháp lý và dự đoán khả năng xảy ra tranh chấp. Các nền tảng công nghệ pháp lý (LegalTech) hiện nay có thể hỗ trợ phân tích hàng nghìn trang tài liệu pháp lý trong thời gian ngắn, giúp tiết kiệm đáng kể chi phí và thời gian xử lý công việc. Điều này làm thay đổi vai trò truyền thống của người hành nghề luật, khi các công việc mang tính lặp lại dần được thay thế bởi công nghệ.

Tuy nhiên, sự phát triển của AI không chỉ tạo ra cơ hội mà còn đặt ra nhiều thách thức mới đối

với nguồn nhân lực pháp lý. Trong bối cảnh hiện nay, doanh nghiệp không còn chỉ yêu cầu cử nhân luật nắm vững kiến thức pháp lý mà còn cần khả năng sử dụng công nghệ, phân tích dữ liệu, thích nghi với môi trường số và xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trên không gian mạng. Những lĩnh vực như bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, thương mại điện tử, hợp đồng điện tử, chứng cứ điện tử và sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm do AI tạo ra đang trở thành các vấn đề pháp lý mới và mang tính thời sự cao.

Từ thực tiễn đó đòi hỏi chương trình đào tạo ngành Luật cần được đổi mới theo hướng tích hợp công nghệ số. Các cơ sở đào tạo cần bổ sung những học phần liên quan đến công nghệ pháp lý (Legal-Tech), pháp luật về dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, chứng cứ điện tử và kỹ năng sử dụng các nền tảng hỗ trợ nghiên cứu pháp lý bằng AI. Đồng thời, phương pháp giảng dạy cũng cần chuyển từ mô hình truyền đạt kiến thức thụ động sang mô hình đào tạo năng lực, chú trọng tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng thích ứng nghề nghiệp trong môi trường pháp lý hiện đại.

### 3. Đào tạo ngành luật tại Singapore

Chất lượng đào tạo Luật tại Singapore từ lâu đã được khẳng định thông qua các bảng xếp hạng uy tín toàn cầu như QS World University Rankings,

noi Đại học Quốc gia Singapore (NUS) thường xuyên nằm trong top 10 - 15 trường luật tốt nhất thế giới. Tại Singapore, quốc gia dẫn đầu về dịch vụ pháp lý tại khu vực, không coi việc đào tạo ngành luật chỉ đào tạo nhằm để phục vụ nhu cầu trong nước mà còn hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm giải quyết tranh chấp pháp lý của khu vực và thế giới. Mô hình đào tạo luật hiện nay của Singapore được đánh giá cao về tính thực tiễn, song việc áp dụng tại Việt Nam cần được nghiên cứu phù hợp với điều kiện thực tế về cơ chế, đào tạo, nguồn nhân lực và đặc điểm hệ thống pháp luật. Dưới đây là những phương pháp giảng dạy được áp dụng tại Singapore mà Việt Nam có thể tham khảo và áp dụng:

#### 3.1. Áp dụng phương pháp Socratic và tư duy phản biện

Triết lý giáo dục luật tại Singapore không tồn tại biệt lập mà được xây dựng trên nền tảng vững chắc của hệ thống Thông luật (Common Law). Thay vì sử dụng lối truyền đạt kiến thức một chiều, các trường luật tại Singapore áp dụng phương pháp Socratic – một hình thức đối thoại giữa giảng viên và sinh viên thông qua các câu hỏi chất vấn. Phương pháp này buộc sinh viên phải rèn luyện tư duy phản biện, nắm vững các án lệ và rèn luyện khả năng lập luận sắc bén ngay tại giảng đường [7].



(Nguồn: Tổng hợp của các tác giả)

Hình 3: 06 bước cơ bản để xây dựng một cuộc đối thoại Socratic

#### 3.2. Triết lý giáo dục pháp luật lâm sàng (Clinical Legal Education)

Phương pháp Socratic có sức ảnh hưởng và mối liên hệ chặt chẽ đến việc đào tạo ngành luật, có ý kiến cho rằng: “Một trường luật không phải là một trường luật nếu không có phương pháp Socratic” [8]. Việc áp dụng phương pháp này ngay từ khi còn được ngồi trên ghế nhà trường mang lại cho sinh viên khả năng tập trung cao độ, biết lắng

nghe và hình thành được khả năng tư duy pháp lý có thể ứng biến trước các tình huống phức tạp trên thực tế. Đối với phương pháp Socratic, các cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam có thể triển khai từng bước thông qua việc tăng cường thảo luận tình huống, phân tích án lệ và tổ chức các lớp học theo hướng tương tác. Tuy nhiên, việc áp dụng đồng bộ có thể còn gặp khó khăn do sĩ số lớp học đông và

phương pháp giảng dạy truyền thống vẫn chiếm ưu thế tại nhiều cơ sở đào tạo.

Tại Singapore, triết lý Giáo dục pháp luật lâm sàng – Clinical Legal Education (CLE) không chỉ được coi là một phương pháp giảng dạy hỗ trợ mà đã trở thành một phần xương sống trong chiến lược đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao. CLE tại đây được xây dựng dựa trên mô hình đào tạo y khoa, nơi sinh viên luật đóng vai trò như những "bác sĩ thực tập" dưới sự giám sát chặt chẽ của các luật sư và giảng viên giàu kinh nghiệm. Mục tiêu cốt lõi của CLE là giúp sinh viên chuyên hóa những kiến thức hàn lâm từ sách vở thành các kỹ năng nghề nghiệp thực tế như: phỏng vấn khách hàng, phân tích hồ sơ vụ việc, và soạn thảo văn bản tố tụng [9], việc áp dụng phương pháp này vào việc giảng dạy giúp xoá nhoà khoảng cách giữa kiến thức lý thuyết trong sách vở với các sự việc, vụ việc diễn ra trên thực tế.

Tại Đại học Quốc gia Singapore (NUS) và Đại học Quản lý Singapore (SMU), các chương trình CLE thường được đưa vào chương trình học từ năm thứ 2 hoặc năm thứ 3. Sinh viên bắt buộc phải tham gia thực hiện các hoạt động thực tế như tư vấn pháp luật miễn phí cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn. Điều này không chỉ giúp rèn luyện kỹ năng tư vấn mà còn bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội và hình thành nên những yếu tố cốt lõi của một luật sư chân chính.

Đối với mô hình CLE tại Việt Nam có khả năng áp dụng tương đối cao vì nhiều trường đại học hiện nay đã bước đầu triển khai phòng thực hành pháp lý và phiên tòa giả định. Tuy nhiên, để mô hình này phát huy hiệu quả cần có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với tòa án, viện kiểm sát, văn phòng luật sư và các trung tâm trợ giúp pháp lý để hỗ trợ và điều phối hoạt động thực hành pháp luật của sinh viên.

#### 4. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo

##### 4.1. Chuyển đổi mô hình đào tạo theo hướng thực hành và tích hợp công nghệ AI, đạo đức nghề nghiệp

Để từng bước thay đổi chất lượng đào tạo, trước hết chúng ta cần xây dựng lộ trình giảm tải lý thuyết thuần túy, tăng cường các học phần tự chọn chuyên sâu về kỹ năng hành nghề. Cần phải chuyển đổi từ mô hình dạy cái luật có sang mô hình dạy cách tư duy luật. Việc áp dụng mô hình Phòng thực hành pháp lý cần được luật hóa và chuẩn hóa mạnh mẽ hơn. Đây là nơi sinh viên trực tiếp giải quyết các vụ việc thực tế, tư vấn pháp luật miễn phí cho người nghèo, những người có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng chính sách dưới sự giám

sát chặt chẽ của luật sư và giảng viên chuyên trách [10].

Việc học tập thông qua trải nghiệm thực tế giúp sinh viên không chỉ hiểu sâu sắc các quy định pháp luật mà còn hình thành những phản xạ nghề nghiệp cần thiết. Nhà trường cần nghiên cứu đưa Phòng thực hành pháp lý thành nội dung quan trọng trong cấu trúc chương trình đào tạo cũng như tổ chức định kỳ các cuộc thi mô phỏng theo hình thức phiên tòa giả định để sinh viên có cơ hội trải nghiệm các mô hình mô phỏng thực tế.

Trong thời đại kỹ nguyên số vươn mình phát triển mạnh mẽ, chương trình đào tạo cần nhanh chóng bổ sung kiến thức về Pháp luật công nghệ (LegalTech) và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu pháp lý. Theo Báo cáo chuyển đổi số quốc gia năm 2025, hoạt động quản trị của doanh nghiệp, thương mại điện tử và dịch vụ pháp lý đang ngày càng phụ thuộc vào công nghệ số. Điều này đòi hỏi sinh viên luật không chỉ có kiến thức pháp lý truyền thống mà còn phải có kỹ năng sử dụng công nghệ trong hoạt động nghề nghiệp. Sinh viên cần được làm quen với các phần mềm quản lý hồ sơ, các công cụ tra cứu án lệ thông minh và hiểu rõ các vấn đề pháp lý mới phát sinh từ không gian mạng tra cứu án lệ thông minh và hiểu rõ các vấn đề pháp lý mới phát sinh từ không gian mạng.

Đồng thời, đạo đức nghề nghiệp (Professional Ethics) phải được coi là môn học xương sống, xuyên suốt toàn bộ quá trình đào tạo. Sinh viên luật cần phải có một trái tim nóng và một cái đầu lạnh để việc thực thi pháp luật vừa đúng luật lại vừa thấu tình, đạt lý. Việc xây dựng bản lĩnh, sự trung thực và lòng tôn trọng công lý cho cử nhân luật là yếu tố tiên quyết để hình thành đội ngũ luật gia có tâm và có tầm trong tương lai [11].

##### 4.2. Chuẩn hoá đội ngũ giảng viên và cơ chế thỉnh giảng

Để nâng cao chất lượng bài giảng, thay vì chỉ học qua lý thuyết từ sách vở, sinh viên cần được học những kinh nghiệm trực tiếp từ những người đang làm nghề. Các cơ quan cần nghiên cứu và có cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về quy định và thủ tục hành chính để các Thẩm phán, Kiểm sát viên và Luật sư danh tiếng v.v tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực tập. Sự hiện diện của những người trực tiếp thực thi pháp luật trên bục giảng sẽ mang lại hơi thở thực tế, làm cho bài học trở nên sinh động, qua đó giúp sinh viên làm quen với các tình huống pháp lý phức tạp và các kỹ năng xử lý vụ việc cụ thể.

Ngược lại, đối với giảng viên cơ hữu tại các trường cũng cần có các đợt trao đổi, trải nghiệm

thực tế tại các cơ quan tư pháp hoặc tổ chức hành nghề luật để cập nhật những thay đổi của pháp luật, các án lệ mới và cách vận dụng luật trong thực tế, từ đó làm mới giáo án mỗi ngày.

### 4.3. Gắn kết nhà trường, cơ quan hành chính, tư pháp và thị trường lao động

Cần có cơ chế phối hợp giữa các trường đại học và các tổ chức hành nghề luật, công ty luật, các doanh nghiệp cũng như các cơ quan tư pháp địa phương ngay từ ban đầu để đưa việc kiến tập của sinh viên trở thành một nội dung quan trọng trong quá trình học tập, việc trải nghiệm giúp sinh viên nắm bắt và hiểu rõ hơn về môi trường thực hành nghề nghiệp sau này. Từ đó, sinh viên sẽ dần định hình và đưa ra được sự lựa chọn nghề nghiệp cho tương lai của mình.

Ngoài ra, việc thực tập của sinh viên cần được thiết kế lại một cách khoa học, không nên chỉ dừng lại ở việc quan sát hình thức mà phải được đánh giá qua kết quả xử lý công việc cụ thể, có sự xác nhận của người hướng dẫn tại cơ sở thực tập. Sự gắn kết này giúp các nhà trường kịp thời điều chỉnh chương trình đào tạo sát với biến động của thị trường lao động, đảm bảo sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể bắt nhịp ngay với công việc mà không cần trải qua các khóa đào tạo lại từ đầu, kéo dài và tốn kém.

Việc kết nối còn mang ý nghĩa tạo ra được hệ sinh thái thông tin hai chiều bền vững. Về phía nhà trường, những phản hồi trực tiếp từ cơ quan tư pháp, luật sư hay các chủ doanh nghiệp sẽ là thước đo khách quan nhất để đánh giá tính thực tiễn của chương trình đào tạo, từ đó kịp thời thay đổi, điều chỉnh và bổ sung. Ngược lại, về phía doanh nghiệp, cơ quan tư pháp đây chính là cơ hội để phát hiện và tìm ra những nhân sự triển vọng ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, góp phần giảm thiểu thời gian và chi phí đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, sẵn sàng đáp ứng được yêu cầu công việc,

## 5. Kết luận

Cải cách đào tạo luật không chỉ đơn thuần là việc thay đổi một vài chương trong giáo trình, mà là sự thay đổi tư duy toàn diện: từ mô hình đào tạo cái nhà trường có sang đào tạo cái xã hội đang cần. Khi ranh giới giữa lý thuyết giảng đường và thực tiễn pháp lý được xóa nhòa, nguồn nhân lực pháp lý mới thực sự trở thành động lực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, bảo vệ quyền con người và bảo vệ công lý trong thời đại hội nhập quốc tế sâu rộng. Đây là nhiệm vụ vừa mang tính cấp bách,

vừa mang tính chiến lược dài hạn để xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] World Bank, *World Development Report 2023: Governance and the Law*, Washington, DC, 2023.
- [2] Nguyễn Thị Triền, "Kỹ năng áp dụng pháp luật của sinh viên ngành luật ở doanh nghiệp hiện nay", *Tạp chí Công thương*, 2021.
- [3] Chu Mạnh Hùng, "Đổi mới phương pháp giảng dạy luật học tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập", *Tạp chí Luật học*, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2021.
- [4] Đào Mộng Điệp, "Nâng cao hiệu quả đào tạo cử nhân Luật trong giai đoạn hiện nay", *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, 2025.
- [5] Lê Huyền, Khoảng 90 trường đào tạo cử nhân Luật, có trường mở ngành vội vàng, Báo VietNamNet, <https://vietnamnet.vn/khoang-90-truong-dao-cao-tao-cu-nhan-luat-co-truong-mo-nganh-voi-vang-2471074.html>.
- [6] Nguyễn Dũng, Nhiều sinh viên luật ra trường không soạn được hợp đồng, Báo tiền phong, <https://tienphong.vn/nhieu-sinh-vien-luat-ra-truong-khong-soan-duoc-hop-dong-post1803384.tpo>.
- [7] S. Chesterman, "The Future of Legal Education", *Singapore Journal of Legal Studies*, 2017.
- [8] The Socratic Method as Pedagogical Method in Legal Education, Faculty of Law, Humanities and the Art - Papers.148, 2014. <https://ro.uow.edu.au/thapapers/1481/>.
- [9] Singapore Institute of Legal Education [SILE], *Practice Training Period Guidelines and Information Guide*, 2024.
- [10] Nguyễn Thị Hồng Yến, "Mô hình giáo dục pháp luật thực hành (Clinical Legal Education) – Kinh nghiệm quốc tế và khả năng áp dụng tại Việt Nam", *Tạp chí Luật học*, 2020.
- [11] American Bar Association (ABA), *Standards and Rules of Procedure for Approval of Law Schools 2021-2022*, Chapter 3: Program of Legal Education.
- [12] Nguyễn Ngọc Ánh, "Thực trạng liên thông từ giáo dục nghề nghiệp lên giáo dục đại học tại Việt Nam", *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, số 05/2023.
- [13] Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, 2012.